

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10-8-2020
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Sơn
2. Bà Nguyễn Thị Thu Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 1993, địa chỉ: 559 B, phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Thanh T1, sinh năm 1987, địa chỉ: Xóm Z, thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (hiện đang chấp hành án tại phân trại X, trại giam T, cục C10, Bộ Công An; địa chỉ: Thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận).

Chị T và anh T1 đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26-02-2020, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 16-4-2020 và các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Chị và anh Lê Thanh T1 tự nguyện tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức kết hôn. Ngày 07-3-2018 chị và anh T1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M,

huyện C, tỉnh K. Trong quá trình chung sống giữa chị và anh T1 phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, anh T1 không có trách nhiệm với gia đình. Năm 2019 anh T1 gây tai nạn, chị đã thay anh T1 bồi thường thiệt hại cho người bị hại nhưng anh T1 và gia đình của anh T1 không thương chị mà còn miệt thị. Nay, giữa chị và anh T1 không còn tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Thanh T1.

Về con chung, nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11-5-2020, bị đơn anh Lê Thanh T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị T có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Hiện nay anh đang chấp hành án phạt tù nên không thể chăm sóc vợ được. Do đó, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T.

Về con chung, nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

* Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị T. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn anh Lê Thanh T1; về con chung, nợ chung: Chị T và anh T1 trình bày không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về tài sản chung: Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Phạm Thị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Lê Thanh T1 hiện đang chấp hành án phạt tù tại phân trại X, trại giam T, cục C10, Bộ Công An; địa chỉ: Thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Trước khi chấp hành án phạt tù, anh Lê Thanh T1 có nơi cư trú tại thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức thụ lý, giải quyết vụ án “Ly hôn” theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị T

là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Phạm Thị T và bị đơn anh Lê Thanh T1 đều vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị T và anh Lê Thanh T1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh K vào ngày 07-3-2018. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị T và anh Lê Thanh T1 là hợp pháp.

Trong đơn khởi kiện và các văn bản trình bày khác, nguyên đơn chị Phạm Thị T cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, giữa chị và anh T1 không còn tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Thanh T1, đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Do đó, vụ án này thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Mặc dù tại biên bản lấy lời khai ngày 11-5-2020, bị đơn anh Lê Thanh T1 cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn. Tuy nhiên, anh T1 vẫn đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T. Do đó, có căn cứ xác định giữa chị Phạm Thị T và anh Lê Thanh T1 không còn tình cảm vợ chồng, vợ chồng không còn thương yêu nhau, mục đích hôn nhân không đạt được; hiện nay đời sống hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, chị T không muốn tiếp tục kéo dài tình trạng hôn nhân nên có đơn khởi kiện xin ly hôn anh T1 và anh T1 cũng có ý kiến đồng ý ly hôn chị T. Do đó, căn cứ Điều 19 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Phạm Thị T.

[2.2] Về con chung, nợ chung: Chị Phạm Thị T và anh Lê Thanh T1 trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị T và anh Lê Thanh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị T đã nộp (do chị Nguyễn Thị Trang nộp thay) sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí chị T phải chịu.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của chị Phạm Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn anh Lê Thanh T1.
2. Về con chung, nợ chung: Chị Phạm Thị T và anh Lê Thanh T1 trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị T và anh Lê Thanh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị T đã nộp (do chị Nguyễn Thị Trang nộp thay) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002580 ngày 22-4-2020 sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí chị T phải chịu.
5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phong